

Chúa Nguyễn và Vương triều Nguyễn.

Từ Thế Kỷ 16 Đến Thế Kỷ 19.

© Hoàng Tuấn Phổ.

Nguồn: © <https://huongduongtxd.com> (PDF File)



Bản đồ Việt Nam 1938 © wiki

Huyện Tống Sơn xưa chỉ là một dải đất nhỏ hẹp, càng thêm chật hẹp bởi núi liên chi, đồi bát úp. Đây là hình ảnh tiêu biểu nhất của Thanh Hoá, cả ba miền rừng núi, trung du, và đồng chiêm trũng cùng hoà hợp trên một vùng đất cổ. Có lẽ họ Lê (tổ tiên của tuyên úy Lê Huấn) đến trước chọn nơi cát địa nhất, lập lên trang Bái Nại rồi hương Đại Lại, lưng tựa vào dãy núi Ông Lâu hình long ngai, hướng nhìn ra sông Lèn vòng tay ôm phía trước.

Năm 1336, Lê Quý Ly sinh ở mảnh đất “phát vương” này để thành Hồ Quý Ly, ông vua nhiều danh tiếng cũng lắm tai tiếng. Họ Nguyễn (tiên tổ của Bình Ngô khai quốc công thần Nguyễn Công Duẩn) hẳn là đến sau, không ngại rừng thiêng nước độc, lập trại ấp Bái Nại, phát triển thành Bái Trang, sau là Gia Miêu Ngoại

Trang ở một góc khuất hoang vắng, nơi núi Bái Sơn dáng rồng nằm gập dãy Tam Điệp như đàn hổ dữ đuổi theo hai con trâu chạy ra tận sát mép biển Đông ⁽¹⁾.

Họ Nguyễn đến đây từ bao giờ? Họ bí mật chui qua lỗ đơm đó của ông Khổng Lồ trên đèo Ba Dội hiểm trở, hay đang hoàng vượt biển Thần Phù sóng gió rồi ngược dòng Tống Giang lên Bái Sơn?

Vua Gia Long nói:

– Tổ tiên ta công đức chứa chồng, có hơn ngàn năm, nhưng thế đại xa cách, sự tích thiếu sót. ⁽²⁾ Và họ Nguyễn cũng chỉ truy tầm để truy phong đến đời ông nội Nguyễn Hoàng là Nguyễn Hoảng Dụ, thân phụ Nguyễn Kim. Địa danh Gia Miêu đã thấy nói đến ở đời Lê Thái tổ, với ba “trang” Gia Miêu Ngoại, Gia Miêu Nội, Gia Miêu Thượng, trong đó, Gia Miêu Ngoại là “anh cả”. Chữ “Gia Miêu” 嘉苗 là mạ (cấy lúa). Tổ tiên Nguyễn Công Duẩn đã sớm biến cả một vùng sơn lam chướng khí, nước độc hoá nước lành, đất chua thành đất ngọt để xây nên những đồng lúa tốt. Chắc chắn lương thực gia đình họ Nguyễn phải tích lũy qua nhiều đời, giàu hơn cả Lê Lương giáp Bối Lý thời Đinh Lê, mới đủ cung cấp cho nghĩa quân Lam Sơn nhiều vạn thạch lương trong suốt 10 năm kháng chiến...

Câu chuyện “Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân” giống như một giai thoại vui vui. Nguyễn Hoàng vào Hoành Sơn đâu phải để dung thân mà để lập thân. Đặt chân lên đất Hoành Sơn, Nguyễn Hoàng cùng Nguyễn Ứ Dĩ (người cậu ruột nuôi cháu từ lúc mới 2 tuổi) bàn tính kế lâu dài “vỗ về quân dân, thu dùng hào kiệt, sưu thuế nhẹ

nhàng" lại thường xưng là chúa Tiên", tỏ rõ khát vọng lớn, lập giang sơn riêng. Đến phút cuối đời, Nguyễn Hoàng vẫn chỉ một niềm mong muốn "dựng nên nghiệp lớn". "Nghiệp lớn" của Nguyễn Hoàng cũng như các đời chúa kế tiếp đều mang danh nghĩa "phù Lê diệt Trịnh". Thế là anh em thành cừu thù, đất nước xảy ra chiến tranh. Tất nhiên nếu không có chiến tranh, lịch sử sẽ mười phần hoàn hảo. Tuy nhiên, chiến tranh đã dạy cho cả hai bên những bài học đắt giá. Từ sau thất bại ở Nghệ An (1655-1660), chúa Nguyễn Phúc Tần nhận ra phía bắc không phải là con đường mở nước. Và những lần tiến đánh Nam Hà tiếp đó của các chúa Trịnh như càng thúc giục thêm các chúa Nguyễn sai dài hơn bước chân mở đất về phương Nam.

Chính sách di dân khẩn hoang là quốc sách lớn của chúa Nguyễn. Nòng cốt của đội quân khẩn hoang vô cùng đông đảo ấy không phải là dân nghèo phiêu dạt. Trước hết, họ là những nhà giàu có, những nông dân biết làm ăn, những quan lại am hiểu nghề ruộng mang theo những thành phần bất hảo: lưu dân, tù binh, hàng binh, tội đồ, nô lệ,... người người, lớp lớp tiến về miền đất mới. Tổ tiên chúa Nguyễn xuất thân là dân khai hoang lập ấp, từ hoang rậm mà có trăm kho nghìn lẫm, từ dân lân, dân ấp mà thành trụ cột quốc gia. Những anh hùng ấy khi gặp khúc lươn, họ lại trần lưng tay cày tay cuốc cùng gia nhân, tướng sĩ tự mưu sinh, tích lũy lương thực chờ thời cơ mới, tiêu biểu: Nguyễn Văn Lang, Nguyễn Hoằng Dụ, Nguyễn Kim,... Các chúa Nguyễn không chỉ có truyền thống mà còn biết phát huy truyền thống bằng kinh nghiệm thực tế và tư duy sáng tạo của mình để tổ chức sản xuất, quản lý lao động, khắc phục thủy thổ, đấu tranh chống thiên nhiên, xây dựng trại ấp,... giúp dân an cư lạc nghiệp trên quê mới.

Quốc sách di dân khẩn hoang lập làng của các chúa Nguyễn giải quyết có hiệu quả vấn đề nông dân trong lịch sử, hạn chế tới mức thấp nhất căn bệnh nan y của xã hội phong kiến, có lúc, có nơi xảy ra khá trầm trọng là phiêu tán, tệ nạn, trộm cướp... dẫn đến bạo động, loạn lạc,... ảnh hưởng an ninh quốc gia. Các chúa Nguyễn, ngoài trách nhiệm dựng nước và giữ nước còn tự giao phó cho mình nhiệm vụ mở nước. Trong tình hình bấy giờ, mở nước cũng chính là dựng nước và giữ nước. Họ mở nước đến đâu, di dân khẩn hoang, lập làng đến đó, và ngược lại, di dân khẩn hoang, lập làng đến đâu, mở nước tới đó. Nghĩa là dân ở đâu, cõi bờ ở đó. Nếu giặc xâm phạm cõi bờ, chính người dân ở đó cầm vũ khí, tự bảo vệ làng quê mình. Trong khoảng 200 năm, các chúa Nguyễn mở mang được gần nửa nước, từ Phú Yên, Khánh Hoà đến An Giang, Hà Tiên, công nghiệp sánh với mấy nghìn năm lịch sử.

Chính sách di dân khẩn hoang là quốc sách lớn của chúa Nguyễn. Nòng cốt của đội quân khẩn hoang vô cùng đông đảo ấy không phải là dân nghèo phiêu dạt. Trước hết, họ là những nhà giàu có, những nông dân biết làm ăn, những quan lại am hiểu nghề ruộng mang theo những thành phần bất hảo, lưu dân, tù binh, hàng binh, tội đồ, nô lệ,... người người, lớp lớp tiến về miền đất mới. Tổ tiên chúa Nguyễn xuất thân là dân khai hoang lập ấp, từ hoang rậm mà có trăm kho nghìn lẫm, từ dân lân, dân ấp mà thành trụ cột quốc gia.

Những anh hùng ấy khi gặp khúc lươn, họ lại trần lưng tay cày tay cuốc cùng gia nhân, tướng sĩ tự mưu sinh, tích lũy lương thực chờ thời cơ mới, tiêu biểu: Nguyễn Văn Lang, Nguyễn Hoằng Dụ, Nguyễn Kim... Các chúa Nguyễn không chỉ có truyền thống mà còn biết phát huy truyền thống bằng kinh nghiệm thực tế và tư duy sáng tạo của mình để tổ chức sản xuất, quản lý lao động, khắc phục thủy thổ, đấu tranh chống thiên nhiên, xây dựng trại ấp... giúp dân an cư lạc nghiệp trên quê mới. Quốc

sách di dân khẩn hoang lập làng của các chúa Nguyễn giải quyết có hiệu quả vấn đề nông dân trong lịch sử, hạn chế tới mức thấp nhất căn bệnh nan y của xã hội phong kiến, có lúc, có nơi xảy ra khá trầm trọng là phiêu tán, tệ nạn, trộm cướp... dẫn đến bạo động, loạn lạc... ảnh hưởng an ninh quốc gia.

Các chúa Nguyễn, ngoài trách nhiệm dựng nước và giữ nước còn tự giao phó cho mình nhiệm vụ mở nước. Trong tình hình bấy giờ, mở nước cũng chính là dựng nước và giữ nước. Họ mở nước đến đâu, di dân khẩn hoang, lập làng đến đó, và ngược lại, di dân khẩn hoang, lập làng đến đâu, mở nước tới đó. Nghĩa là dân ở đâu, cõi bờ ở đó. Nếu giặc xâm phạm cõi bờ, chính người dân ở đó cầm vũ khí, tự bảo vệ làng quê mình. Trong khoảng 200 năm, các chúa Nguyễn mở mang được gần nửa nước, từ Phú Yên, Khánh Hoà đến An Giang, Hà Tiên, công nghiệp sánh với mấy nghìn năm lịch sử.

* * * * *

Tuy nhiên, lịch sử đất nước cũng như mỗi cá nhân, mỗi gia đình, dòng họ, có thịnh suy, tồn vong. Nhà Đinh trung hưng thất bại. Nhà Lý bị diệt là mất luôn. Nhà Trần trung hưng đến hai lần đều không thành. Hai nhà: Hậu Lê và Nguyễn đều sáng chói sự nghiệp Trung hưng. Tuy vậy, các vua Lê Trung hưng đều là cái bóng mờ trên ngai vàng đã nhạt màu son. Riêng nhà Nguyễn làm chủ cả một vùng giang sơn rộng lớn nghìn xưa chưa từng thấy. Nhưng đó là do thực lực nhà Nguyễn hay bởi bàn tay can thiệp giúp đỡ của nước ngoài?

Thực tâm, Nguyễn Ánh trên bước đường cùng, chưa dám quyết định cầu viện vua Xiêm vì chưa tin lắm ông bạn láng giềng nhiều tham vọng. Nhưng tướng Châu Văn Tiếp lại thua trận Cá Trê, đánh liều chạy sang Vọng Các kêu cứu. Vua Xiêm sai hai người cháu Chiêu Tăng, Chiêu Sương đem hai vạn quân giúp Gia Định trả thù Tây Sơn vốn đã gây cho Xiêm mối bất bình từ trước. Nguyễn Ánh không thể không chấp nhận vì lúc ấy ông chẳng còn tí quyền hành nào ở Gia Định. Việc bất ngờ xảy ra đến cả vua Xiêm cũng không thể ngờ là Chiêu Tăng, Chiêu Sương thả cho quân sĩ cướp bóc, hãm hiếp, tàn hại dân lành, tranh nhau cả tiền bạc Tây Sơn ném ra làm mồi nhử, khiến Nguyễn Ánh thất vọng tin chắc sẽ thất bại, đành tập hợp bề tôi của mình cấp tốc rút về đảo Thổ Chu. Tại đây, theo lời Bá-Đa-Lộc, Nguyễn Ánh phải than rằng người Xiêm lừa gạt ông, mượn cớ lập lại quyền bính cho ông để dùng danh vị ông mà cướp bóc dân chúng và bắt sống ông thôi ⁽³⁾.

Dù sao, sai lầm của Châu Văn Tiếp dẫn đến hậu quả nhân dân Gia Định bị tàn hại, Nguyễn Ánh là chủ soái vẫn phải chịu trách nhiệm. Mạc thị gia phả, tập sử liệu của người đương thời sống trong cuộc chép rất rõ: "Chiêu Tăng và Chiêu Sương vẫn thả quân cướp bóc tàn hại dân chúng..." Vua (tức Nguyễn Ánh) ngăn cản không được, nhỏ nước mắt than:

– Việc phục quốc cốt là lo cho nước cho dân, thế mà nay để cho bọn ấy thả sức làm điều bạo ngược, làm quốc chủ như ta làm gì, kéo rồi giặc nguy (tức Tây Sơn) lại vin vào cớ đó vu cho ta rước giặc về tàn hại nhân dân. Ta không nỡ nhìn thấy cảnh đó. Chư tướng xin từ nay không để mặc cho bọn chúng hoành hành tàn bạo nữa" ⁽⁴⁾.

– Sau đó, nhiều lần vua Xiêm muốn gửi quân sang giúp, Nguyễn Ánh đều không nhận. Ví dụ: Tháng Chín năm Quý Sửu (1793) vua Xiêm sai đại tướng Chắt Trì đóng quân năm vạn ở Nam Vang, gửi 500 chiến thuyền đậu ở Hà Tiên, đưa thư hẹn giúp Nguyễn Ánh diệt Tây Sơn, nhưng ông từ chối khéo. Nguyễn Ánh không dễ quên bài học hơn 10 năm trước. Ông nói với tướng sĩ:

– Mượn người ngoài giúp, đưa họ vào trong nước mình, sợ di mối hại về sau ⁽⁵⁾.

Nhưng phải chăng, “miệng đọc ca, tay gảy đàn lồi”, Nguyễn Ánh vẫn cầu viện phương Tây! Tại sao?

Bá-đa-lộc đem Hoàng tử Cảnh đi cầu viện từ cuối năm 1784, đầu năm 1787 mới đến nước Pháp. Rồi 10 tháng sau, ngày 28 Tháng Mười Một 1787, hiệp ước mới được ký kết, một bên là đại diện vua Louis XVI, một bên Bá-đa-lộc được Nguyễn vương uỷ nhiệm với tờ giấy viết từ năm, sáu năm trước!

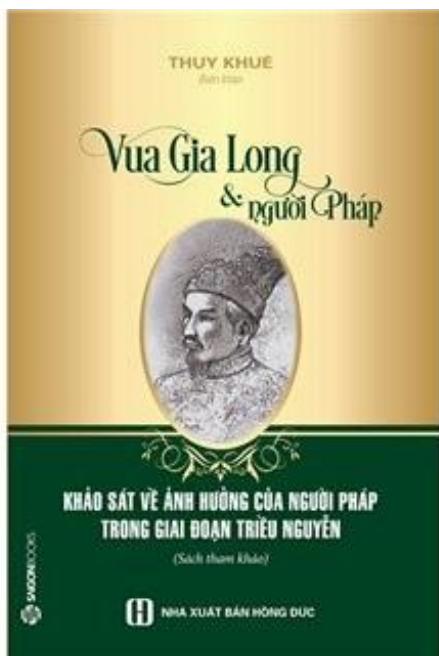
Không có quốc thư, chỉ có một tín vật làm tin, đó là chú bé mang tên Hoàng tử Cảnh, lúc ra đi tuổi lên ba, bây giờ lên bảy! Pháp hứa giúp Nguyễn Ánh bốn chiếc tàu, 1,200 bộ binh, 200 pháo binh, 250 lính Phi, để đổi lấy cửa biển Hội An, sau thêm hòn Côn Lôn. Pháp được toàn quyền và độc quyền thương mại ở Nam Hà ⁽⁸⁾.

Nhưng hiệp ước không thành! Nhiều năm sau, một số người Pháp còn tắc lưỡi tiếc của vì đã bỏ mất món hàng béo bở. Họ không biết chính bởi món hàng hiệp ước Versailles quá hời tới mức không ngờ, Toàn quyền De Conway, người được giao trách nhiệm thi hành hiệp ước, vốn tính đa nghi càng thêm hồ nghi. Ông đã phái nhiều tàu đến Nam Hà thám thính, tìm hiểu các cửa biển, các đảo lớn nhỏ và thực lực Nguyễn Ánh... Hẳn là tên cáo già này đã đánh hơi thấy nhượng địa quan trọng: Cửa bể Hội An thuộc quyền quản lý của Tây Sơn hùng mạnh, còn Côn Lôn chỉ là hoang đảo giữa trùng khơi mịt mù sóng gió!

Tờ báo Gazette Nationale ngày 14 Tháng Sáu 1789 xuất bản tại Pondichéry viết: “*Không bao giờ tình hình dễ dàng cho việc lập lại quyền bính cho ông vua mất ngôi đã trở về chiếm năm tỉnh phía Nam như bây giờ*” ⁽⁹⁾.

Đó là một nhận xét đầy mỉa mai: Một ông vua mất ngôi, mới trở về tạm thời chiếm được Gia Định như Nguyễn Ánh mà dám đòi nhường đất đai đã thuộc về một ông vua hùng mạnh của Tây Sơn! Trước tình hình ấy, Nguyễn Ánh phản ứng như thế nào? Ông rất mừng khi Hoàng tử Cảnh đã được Bá-đa-lộc bảo vệ yên lành, tổ chức đón rước linh đình tại Vũng Tàu. Còn hiệp ước Versailles, De Conway coi là “một trò đùa”, Nguyễn Ánh cũng xem như tờ giấy lộn! Nó có vẻ giống chuyện chú Cuội bán đàn vịt trời trong truyện cười dân gian Việt Nam, một thứ mẹo vặt rất An Nam! Nhưng hiệp ước Versailles sẽ dẫn tới chiến tranh Pháp với Tây Sơn nếu Pháp muốn có được cửa bể Hội An, và như “Chiến quốc sách – Bạng duật tương trì, ngư ông đắc lợi”. Có lẽ đó mới là thâm ý của “ngư ông” Nguyễn Ánh. Sự thật, lúc bấy giờ, con voi Louis XVI đã già, quá già, lại đang sa lầy ở chính nước Pháp và chưa biết đến bao giờ mới thoát ra được.

Cần nói thêm, hiệp ước Versailles thất bại, Bá-đa-lộc không thể đi không lại về không. Con đường truyền giáo của Đức cha có thể chấm hết nếu ông bị mất lòng tin đối với Nguyễn Ánh. Ông vất vả chạy ngược, chạy xuôi mới quyên nổi tiền mua 1,000 khẩu súng trường và mộ được 19 người, gồm nhiều thành phần khác nhau, nhưng giống nhau ở điểm háms lợi, háms danh! Họ đến Gia Định Tháng Bảy 1789, thường ngày lo đánh chén hơn đánh giặc và rốt cuộc đánh bài chuồn sau mấy năm “làm ăn” không phát tài! Theo số liệu của các giáo sĩ: Trong quân đội của Nguyễn Ánh đến năm 1800, số người Tây cũng chỉ có khoảng hơn 40 người!



Hình bìa sách "Vua Gia Long và Người Pháp – Thuy Khuê © baoquocdan.org.

Cái người xưa gọi là “khí số” chính là vai trò lịch sử. Khi nhà Tây Sơn hết vai trò lịch sử, lịch sử tất phải chọn ai đó, không người này thì người khác, đứng ra dọn dẹp đồng đồ nát để xây dựng trên nền tảng quốc gia ngôi nhà mới. Và lịch sử đã chọn Nguyễn Ánh. Lịch sử có thể chọn nhầm ai đó, nhưng với Nguyễn Ánh, là nhân vật xứng đáng nhất vì ông đã thành công nhất. Nếu không chọn Nguyễn Ánh, lịch sử chọn ai bây giờ? Điểm mặt các anh hùng, hào kiệt nổi lên buổi ấy, không còn ai hơn Nguyễn Ánh hay bằng Nguyễn Ánh.

Thiết tưởng hậu thế không nên quá khó tính đòi hỏi những gì lịch sử không thể có được, những gì Nguyễn Ánh không thể làm được. Hạn chế lịch sử từ Quang Trung đến Gia Long là không thể cởi bỏ sớm chiếc long bào ố vàng cũ kỹ để thay bằng bộ complet tân thời mới toanh của văn minh tư sản. Vậy, ở trong cái lồng phong kiến đã trở nên chật hẹp ấy, triều Nguyễn của Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị phải khắc phục như thế nào để ổn định đất nước, bảo vệ nền độc lập, điều hoà mâu thuẫn giai cấp, củng cố vương quyền, phát triển xã hội toàn diện? Trước hết là:

Vấn đề ruộng đất

Sau gần nửa thế kỷ loạn lạc, chiến tranh, triều Nguyễn phải gánh chịu hậu quả nặng nề về tình hình ruộng đất rắc rối, phức tạp, đòi hỏi nhà nước phải có chủ trương đúng đắn kèm theo biện pháp hữu hiệu. Năm 1803, Gia Long chỉ dụ cấm bán công điền, tiếp theo, năm 1804, chỉ dụ chia công điền. Gia Long không thể và cũng chưa dám làm gì khác vì đất nước chưa thật sự ổn định. Một số triều thần xin vua thi hành phép “phân điền chế sản”. Nhưng triều Hồ “hạn điền” hoàn toàn thất bại, triều Tây Sơn lấy ruộng nhà giàu chia cho nhà nghèo cũng chỉ có tác dụng nhất thời. Điền chủ giàu lên, ngày càng giàu thêm nhờ nhiều nguồn đất đai, không phải hoàn toàn bởi thủ đoạn chiếm đoạt của nông dân. Gia Long rất có cơ sở khi ông nói:

– Bọn nghèo không chịu khó nhọc làm ăn, chia cho rồi đem cho kẻ khác, nay muốn ngăn ngừa bọn cường hào kiêu tính bao quát, lấy ruộng chia đều thì lại thêm phiền nhiễu nhân dân. Trẫm đã nghĩ rồi, không thể làm được⁽¹⁰⁾. Cho nên Gia Long vẫn phải theo cách cũ của triều Lê, nhưng kèm theo các chính sách tích cực: Mở mang đồn điền, đẩy mạnh khai hoang, khuyến khích lao động, dùng pháp luật ràng buộc và xét xử kẻ lười biếng, bọn cường hào, v.v... Đời Minh Mạng, xét thấy tổng số ruộng đất ở Bình Định 76,000 mẫu, ruộng tư chiếm 70,000, còn ruộng công chỉ có 6,000 mẫu, lấy một nửa số ruộng tư của mỗi nhà chuyển làm ruộng công. Cách làm này tưởng như người ít ruộng chịu thiệt thòi nhất, sự thật ruộng tư của họ ra đi lại trở về dưới cái tên khác: công điền. Còn nhà giàu, càng giàu càng thua thiệt nhiều (những nơi công điền nhiều hơn hoặc bằng tư điền không áp dụng lệnh này).

Những cố gắng của triều Nguyễn các đời Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị đã đưa nông dân ra khỏi bờ vực thảm, hạn chế ở mức độ nhất định nạn lưu tán, căn bệnh nan y

của thời đại phong kiến nói chung. Đặc biệt, nhà Nguyễn là triều đại phong kiến duy nhất trong lịch sử có thóc gạo dồi dào tới mức xuất khẩu bán cho ngoại quốc.

Vấn đề thương mại

Có phải triều Nguyễn “trọng nông ức thương?” Đúng! Thì triều đại phong kiến nào mà chẳng “nhất bên trọng, nhất bên khinh?” Các nước trong khu vực như Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên... bấy giờ cũng không khác, không thể khác. Đó là đặc điểm của phong kiến phương Đông chẳng? Tuy vậy, hãy xem triều Nguyễn ức thương như thế nào?

Nhà Nguyễn đặt trạm thu thuế trên ngã ba các con sông huyết mạch. Điều này chứng tỏ nội thương nếu không phát đạt cũng chẳng bị ngăn cấm. Sau một thời gian, Gia Long bỏ bớt trạm thu thuế và giảm mức thuế hoặc không đánh thuế một số mặt hàng để khuyến khích nội thương. Đối với ngoại thương, triều Nguyễn bị xem là “bế quan toả cảng”. Có đúng triều Nguyễn “bế quan toả cảng” hay chỉ giới hạn giao thương, quản lý chặt ngoại thương? Hãy đơn cử một vài ví dụ:

– Sau khi Gia Long lên ngôi, người nước Anh ba lần đến Đà Nẵng xin lập phố buôn bán ở Trà Sơn, nhà vua đều không cho, vì đây là nơi quan yếu không thể cho người ngoài đến ở. Năm 1832, Tổng Thống Hoa Kỳ cử đặc phái viên mang quốc thư đến xin thông thương tàu thuyền ở cửa Vụng Lắm, Phú Yên; Minh Mạng sai viết thư phúc đáp, đại ý: Hoa Kỳ muốn xin thông thương, cố nhiên ta không ngăn trở, nhưng phải tuân theo pháp luật đã định. Từ nay tàu thuyền nếu có đến buôn bán thì cho ở vụng Trà Sơn, tấn sở Đà Nẵng, không được lên bờ làm nhà vượt quá kỷ luật ⁽¹¹⁾.

– Không thể nói nhà Nguyễn, cụ thể Gia Long, Minh Mạng chủ trương “bế quan toả cảng”. Lý do họ quy định cho tàu thuyền ngoại quốc là chính đáng và cách giải quyết như thế là thoả đáng. Các vua Nguyễn cũng hoàn toàn đúng khi triều đình nắm độc quyền ngoại thương để chỉ mua vào những thứ thật cần thiết và bán ra những gì nên bán, có thể bán. Đặc biệt loại hàng chiến lược như thóc gạo, khoáng sản... liên hệ tới an ninh quốc gia, nhà vua trực tiếp quản lý. Triều đình Nguyễn biết khá rõ trên tàu buôn của nước ngoài có cả những món hàng nguy hiểm chết người: Cha cổ, gián điệp, thuốc phiện... không thể để tự do nhập lậu vào Việt Nam.

Một nhà sử học kịch liệt lên án chính sách “bế quan toả cảng” của nhà Nguyễn và phê phán thẳng tay tình trạng công thương đình đốn ở triều Nguyễn cũng đã buộc phải viết:

“Dù sao thời Gia Long đến thời Minh Mạng, nền thương mại trong nước và bên ngoài có phục hồi; thuế thương chính thu được là ba trên bốn mươi triệu, tức là một phần 13 của ngân sách nói chung” ⁽¹²⁾.

Vấn đề bang giao

Truyền thống Việt-Miên-Lào-Xiêm là láng giềng tắt lửa tối đèn có nhau. *Gia Long trước khi mất, căn dặn hoàng thái tử (tức Minh Mạng) không được gây hấn ngoài biên* ⁽¹³⁾. Năm 1823, Diên Điện vì mấy lần xâm lược Xiêm, bị quân Nguyễn giúp Xiêm đánh thua nên xin lập đồng minh Việt-Diên chống Xiêm, Minh Mạng từ chối. Nhà vua bảo triều thần:

– “Không nên bỏ tình hoà hiếu mà tìm sự cừ thù” ⁽¹⁴⁾.

Nhưng bản tính các vua Xiêm hay cậy mạnh, lại nhiều tham vọng, muốn thôn tính Lục Chân Lạp (Miên) để xâm chiếm luôn vùng đất Gia Định, mưu đồ hộ Vạn Tượng (Lào) nhằm uy hiếp cả miền Trung nước Việt. Bởi thế, nhà Nguyễn phải sai tướng đem quân giúp Miên, Lào giữ yên đất nước, vì Việt-Miên-Lào như môi với răng, môi hở răng lạnh. Xiêm nổi giận, hễ có dịp là tấn công Việt để trả thù. Năm 1833, quân Xiêm đánh chiếm các tỉnh Hà Tiên, Châu Đốc, đánh chiếm cả miền đất phía Tây Quảng Trị và xâm phạm biên giới Nghệ An, uy hiếp đến kinh đô Huế, khiến triều đình Nguyễn hết sức lo lắng. Phải mất mấy năm vất vả, quân Nguyễn mới dẹp yên được. Nhưng sau đó, triều đình Nguyễn vẫn sẵn sàng bỏ qua chuyện chiến tranh, lại quan hệ hữu hảo với Xiêm.

Không biết có bao nhiêu độc giả đã hiểu lầm bởi một giáo sư nổi tiếng đầu ngành sử học, đã dùng ngòi bút đanh thép kết tội các vua Nguyễn “bành trướng, xâm lược” và “chính sách xâm lược tai hại của triều đình nhà Nguyễn càng làm cho cuộc khủng hoảng trong nước thêm sâu sắc”. Ông tâng bốc Xiêm hết lời và mạt sát Nguyễn cũng cạn lời! ⁽¹⁵⁾.

Sự thật, từ thời các chúa Nguyễn, hai nước Miên, Lào đã nhờ Nam hà bảo hộ để chống lại sự bành trướng của Xiêm. Và các chúa Nguyễn, tiếp theo là các vua Nguyễn đều hết lòng với Miên, Lào trong việc bảo hộ, vì bảo hộ bạn cũng tức là bảo vệ mình. Bảo hộ là gì? **Theo quan niệm các vua chúa nhà Nguyễn, bảo hộ là giúp đỡ, bảo vệ, khác với đô hộ là thống trị, xem nước người ta như thuộc quốc của nước mình.**

Chính sách bảo hộ của nhà Nguyễn khá minh bạch. Gia Long bảo triều thần:

– Bảo hộ là cốt giữ cho nước ấy được còn, chứ không phải để giám sát, cai trị nước ấy. Vậy nên hạ lệnh bọn Thụy (viên quan phụ trách bảo hộ Cao Miên) chớ nên can dự vào chính sự nước ấy, để cho phiên vương được tự làm việc thì lòng dân sẽ yên ⁽¹⁶⁾.

Một số triều thần muốn giải quyết dứt điểm vấn đề Cao Miên để đối phó dứt khoát với Xiêm. Gia Long nói:

– Được một nước Chân Lạp để sự lo về sau, Trẫm quyết không làm như thế.

Đó là quan điểm đúng đắn mang tầm chính trị sáng suốt, sâu sắc của ông vua giỏi.

Vấn đề ngoại đạo

Nhà truyền giáo nổi tiếng nhất Nam hà bấy giờ là Bá-đa-lộc. **Ông này còn mang các tên: Đức cha cả, Giám mục d’Adran, Đức ông Pigneau, Pierre-Yoseph-Georges, Pigneau de Béhaine...** Với tên Bi-nhu quận công, Bá-đa-lộc như một triều thần Việt Nam thứ hạng cao, chỉ sau quốc công. Ông đang long đong tại Nam Vang, được Mạc Thiên Tứ đưa đến gặp Nguyễn Ánh tại đảo Thổ Chu. Chính ở đây, năm 1784, ông hứa giúp Nguyễn Ánh cầu viện Đại Tây.

Mỗi quan hệ bắt đầu từ đó, đôi bên tưởng chừng gắn bó keo sơn, thực chất là hai thế giới cách biệt không thể dung hoà giữa hai luồng tư tưởng văn hoá Đông-Tây, Việt-Pháp. Bá-đa-lộc âm mưu biến Hoàng tử Cảnh thành con chiên ngoan đạo và tương lai sẽ là ông vua sùng tín bậc nhất phương Nam, để dân tộc Việt, tất cả đều chấp tay, cúi đầu trước cây thánh giá.

Năm 1789, Hoàng tử Cảnh trở về nước sau sáu năm được Bá-đa-lộc kèm cặp. Ngày giỗ gia tiên, cậu bé Cảnh không chịu vái lạy ông bà, Nguyễn Ánh hỏi Đức cha cả tại sao thầy dạy học trò quên ông bà? Bá-đa-lộc trả lời:

– Thờ cúng ông bà, tin ông bà phù hộ con cháu sống lâu, giàu có là mê tín dị đoan.

Nguyễn Ánh bảo Bá-đa-lộc:

– Lễ bái chỉ là để chứng tỏ con cháu nhớ ơn tổ tiên, ông bà, để đền đáp công ơn ấy, tôi nhất quyết phải giữ đạo ông bà vì đó là một trong những giáo dục căn bản của xứ tôi ⁽¹⁷⁾.

Rồi Nguyễn Ánh đặc cử một số nho thần dạy bảo Hoàng tử Cảnh theo lễ lối giáo dục truyền thống của dân tộc Việt Nam. Bấy giờ ở Nam hà, thế lực các giáo sỹ phương Tây rất mạnh nhưng họ đều phải lùi bước trước thái độ cứng rắn của Nguyễn Ánh, quyết xây dựng một quốc gia thống nhất về mọi mặt trên cơ sở truyền thống tư tưởng – văn hoá tốt đẹp của dân tộc.

Vương triều Nguyễn thời kỳ đầu trị quốc, các vua Gia Long, Minh Mạng không bảo thủ lạc hậu đến mức như người ta lầm tưởng. Họ ý thức việc cần thiết phải học tập, tiếp thụ khoa học kỹ thuật tiến bộ của văn minh thế giới để áp dụng vào thực tế Việt Nam. Chỉ có khoảng nửa thế kỷ (1802-1858), họ xây dựng vững chắc nền tảng quốc gia thống nhất, để sau đó đế quốc Pháp trong 80 năm đô hộ dù chia cắt đất nước thành ba “kỳ”, với ba chế độ chính trị khác nhau, âm mưu biến Việt Nam thành quận huyện của Đại Pháp thì Việt Nam vẫn là Việt Nam. Dĩ nhiên, bên cạnh vinh quang có cay đắng, họ Nguyễn, từ chúa Nguyễn đến vua Nguyễn đều phải chịu trách nhiệm trước lịch sử những nhiệm vụ lịch sử giao phó mà không hoàn thành, cả những hành vi sai trái, lỗi lầm bất cứ vì nguyên nhân chủ quan hay lý do khách quan.

Nếu tôi là nhà điêu khắc, tôi sẽ làm một pho tượng đài **Mẹ Đất Mẹ Lúa** vĩ đại, dưới chân tượng, hiển nhiên khắc to hai chữ **Việt Nam**, không quên thêm một chữ **“Nguyễn”**, dựng tại nơi cát địa nhất của Nam bộ, miền đất được xây đắp bằng trí tuệ, sức lực và máu xương người Việt Nam suốt năm thế kỷ.

© Hoàng Tuấn Phổ.

Các bài viết cùng tác giả hay cùng chủ đề (NNQ sưu tầm).

❖ **Đi tìm sự thực lịch sử về vua Gia Long (Thụy Khuê).** Một ngày mùa xuân năm 2014, tôi lên khu La Tinh, vào hàng sách quen, xuống hầm tìm sách cũ, tình cờ thấy một bộ sách quý, nhưng có lẽ không ai để ý, và cũng không có người mua, nên họ bán son. Như kẻ bắt được vàng, tôi mua ngay. Đó là bộ sách đồ sộ: Histoire de la Mission de Cochinchine 1658-1823 (Lịch sử truyền giáo ở Nam Hà 1658-1823) gồm 4 cuốn, do linh mục Andrien Launay sưu tập những thư từ của các giáo sỹ đến truyền đạo ở nước ta (và một phần nhỏ về Miên, Lào), gửi về cho các vị lãnh đạo của họ trụ trì tại tu viện Macao, là chi nhánh của Hội Thừa Sai Roma, trong hai thế kỷ...

... Những trang thư trong bộ sưu tập của Launay, khiến tôi mở mắt ra lần đầu, cũng là lần đầu tiên tôi thấy le lói một thứ ánh sáng, có thể giúp tôi tìm thấy sự thực lịch sử, mà tôi mong mỏi từ thời trẻ. Khi được vào trường trung học Gia Long, tôi có hai mặc cảm đối lập: thứ nhất, kiêu hãnh vì được học trường nữ học lớn nhất miền Nam, nhưng đồng thời, tủi nhục vì tưởng vua Gia Long là người dẫn quân Pháp về “giày mõ”. Mặc cảm thứ hai này, trầm trọng và theo đuổi tôi hầu như suốt đời, cho đến năm 2014, khi được chính mắt đọc những dòng thư do Bá Đa Lộc viết, tôi biết rằng Gia Long không làm những việc mà người ta đổ vạ cho ông...

Đi sau vua Gia Long hơn hai thế kỷ. Dường như chúng ta vẫn chưa khôi phục được tinh thần tự tin, tự chủ, khi trực diện với người ngoại quốc mà vị Hoàng Đế đầu tiên của triều Nguyễn đã khai phóng...

Đọc tiếp @ [TAI ĐÂY](#)

❖ **Petrus Key Là Ai? (TS Vũ Ngự Chiêu)** Petrus Key, sau này đổi thành Petrus Trương Vĩnh Ký, P.J.B. Trương Vĩnh Ký, Sĩ Tài Trương Vĩnh Ký, hay Petrus Ký, thường được coi như một văn hào của miền Nam dưới thời Pháp thuộc. Có người xưng tụng Petrus Key như “đại ái quốc,” “đại học giả,” “bác học,” thông thạo tới “26 thứ tiếng...”

... Trước hết, tôi không nuôi tham vọng làm một “nhà Petrus Key học.” Những tư liệu tìm được về Petrus Key chỉ rất tình cờ. Hơn nữa, vai trò lịch sử của Petrus Key đã được xác định, từ lâu: một trong những khai quốc công thần của nền thuộc địa – bảo hộ Pháp; nhưng vẫn chỉ là một thành phần trung gian bản xứ “được khai hóa” thường tự xưng là “tôi tớ hèn mọn – humble serviteur”. Chỉ cần nhìn vào hàng huy chương trong di ảnh Petrus Key đủ chứng minh điều này: Nào là Bắc đẩu Bội tinh, Long Khánh Bội tinh... Lá thư gửi quan tướng Pháp năm 1859—bị Jauréguiberry phê bình là chẳng có gì đáng nói—chỉ là một tư liệu giúp minh định thời điểm thông ngôn Petrus Key trực tiếp xin hợp tác với các thiên sứ thực dân xâm lược Pháp... **Nguồn: © <https://hopluu.net> (08/2019)**

❖ **Nguyễn Ánh – Gia Long – Tây Sơn – Và thực dân Pháp (Nguyễn Lê)** Bá Đa Lộc có công giúp chúa Nguyễn trong những ngày đầu gian khổ, khi phải trốn lánh cuộc truy sát của quân Tây Sơn. Tuy nhiên, nhiều cây bút Pháp, trong đó có Charles B. Maybon, tác giả quyển Histoire moderne du pays d’Annam 1592-1920 – Paris 1920 và linh mục Léopold Cadière, chủ bút Tập san Đô thành Hiếu cổ (BAVH), đã đề cao một cách quá đáng vai trò của Giám mục Bá Đa Lộc trong thời kỳ này nhằm gián tiếp nói rằng nếu không có ông, Nguyễn Ánh sẽ không thể tồn tại và tất nhiên cơ nghiệp của nhà Nguyễn sẽ không thể có như chúng ta đã thấy. Những người Pháp trên quên rằng vào những năm 1777-1782, lực lượng nhà Nguyễn vẫn còn trong tình trạng thường xuyên được tăng cường, bổ sung và đã nhiều lần lấy lại đất Gia Định từ trong tay nhà Tây Sơn...

Trong thời gian 10 năm, từ 1789 đến 1799, ngoài mấy năm đầu có sự bất đồng giữa chúa Nguyễn và Bá Đa Lộc, từ năm 1793 trở đi, với phần lớn thời gian sống cạnh Hoàng Thái tử Cảnh trong cương vị trấn thủ thành Sài Gòn và thành Diên Khánh, Bá Đa Lộc cũng không chứng tỏ được gì khi sát cạnh vị Đông Cung Thái tử đã có những đại thần bậc nhất của chúa như Đông cung Phụ đạo Ngô Tùng Châu, Đông cung Thị giảng Trịnh Hoài Đức và Lê Quang Định. Sự kinh chống khá công khai và gay gắt của đa số cận thần của chúa Nguyễn đối với Bá Đa Lộc từ năm 1795 trở đi đã gần như vô hiệu hóa mọi toan tính và những việc cần làm của vị giám mục này.

Trong mối quan hệ với Giám mục Bá Đa Lộc và các sĩ quan, chuyên viên Pháp theo giúp mình, chúa Nguyễn Ánh luôn cư xử có tình với họ, song ông luôn biết chứng tỏ là một người suy nghĩ, hành động độc lập và cương quyết, không ai dễ dàng khuất phục ý chí của ông. Ông biết tận dụng năng lực của họ, song ông không hề giao cho họ một vai trò quyết định nào. Một số cây bút Pháp cũng tỏ ra quá đáng khi cho sự hiện diện của một nhóm sĩ quan và chuyên viên Pháp trên là có tính quyết định cho cuộc chiến. Trên thực tế, nhân tố chính của cuộc chiến vẫn là những danh tướng người Việt như Lê Văn Duyệt, Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Văn Trương, Nguyễn Huỳnh Đức..., những người đã lập nên nhiều chiến công có tính quyết định, nhất là trận Thị Nại năm 1801... **Đọc tiếp @ [Báo Quốc Dân](#) (06/2022)**

❖ **Đọc “Vua Gia Long & Người Pháp” của Thụy Khuê (Nguyễn Minh – Adelaide)** – “Các nhà nghiên cứu thuộc địa (Pháp) đã xây nên một thứ huyền sử, trong đó Bá Đa Lộc có công tột đỉnh, đứng đầu tổ chức, mua súng ống, tàu chiến, chiêu mộ các “sĩ quan” và binh lính Pháp về giúp Nguyễn Ánh. Các “sĩ quan” này không những đã lập chiến công rực rỡ mà còn làm tàu chiến, dựng nền pháo binh và tổ chức quân đội theo lối Tây phương, xây dựng những thành trì kiến trúc kiểu “Vauban” trên toàn thể nước Việt”

– Nhiều nhà nghiên cứu Việt Nam đã “chấp nhận huyền sử đó, không một lời bàn lại, mà còn khuếch trương thêm trong sách sử Việt”

– Do đó, “Việc điều tra lại sự thật là cần thiết... Lịch sử bắt buộc chúng ta phải điều tra lại tất cả những gì được các sử gia thực dân đưa ra, được người Việt chép lại...” **Nguyễn Minh, Nhà giáo – Dịch giả, Adelaide Australia @ viet-studies.net (Viewed 30/06/22)**

❖ **Vai Trò Của Giám Mục Bá Đa Lộc Trong Cuộc Nội Chiến Nhà Nguyễn-Nhà Tây Sơn.** Trong cuộc nội chiến kéo dài hơn 30 năm giữa nhà Nguyễn và nhà Tây Sơn (1771-1802), Giám mục Bá Đa

Lộc là người phương Tây có mặt lâu nhất, từ năm 1776 đến ngày ông qua đời (1799). Ông sát cánh, hỗ trợ chúa Nguyễn Ánh khi còn là một thiếu niên mới 15 tuổi cho đến những ngày cuộc nội chiến đã nghiêng phần thắng lợi về phía nhà Nguyễn.

Song vị trí của Bá Đa Lộc trong cuộc chiến dường như thế nào, nhất là mối quan hệ giữa ông ta với Nguyễn Ánh ra sao, có nhiều sự miêu tả, nhận định rất khác nhau, trong đó có những cách thổi phồng, phóng đại vai trò của vị giám mục này, trao cho ông ta một vai trò quá lớn trong cuộc nội chiến, vô tình hạ thấp tính độc lập, quyết đoán của một con người đầy bản lĩnh như Nguyễn Ánh...

Nguồn @ [triviet.news](#) (Viewed 15/02/22)

❖ **Bảo Đại trao kiếm giả cho 'cách mạng?' (Phạm Cao Phong).** Cù Huy Cận, "Sau khi Bảo Đại đọc lời tuyên bố thoái vị, tới nghi thức trao ấn kiếm. Chiếc kim ấn truyền quốc làm bằng vàng ròng, nặng dễ đến ngót 10 kilôgam, anh Trần Huy Liệu vốn sức yếu phải gồng lên mới cầm nổi, còn tôi dĩ nhiên với cái tuổi 26 thì mười cân cũng nhẹ nhàng thôi. Thú vị nhất là khi cầm cây kiếm, thấy vỏ ngoài dát vàng nạm ngọc rất đẹp, tôi thuận tay rút kiếm ra xem, ai dè bên trong lưỡi kiếm đã bị rỉ, tôi hồn nhiên nói ngay vào micro: "Thưa đồng bào, kiếm nhà vua rỉ hết rồi!..." Mọi người cười ồ. Bảo Đại cũng cười!" **Đọc tiếp @ [TAI ĐÂY](#)**

❖ **Chiếu thoái vị của Hoàng Đế Bảo Đại vị vua cuối cùng nhà Nguyễn (25/08/1945).** "Vì hạnh phúc của dân tộc Việt Nam. Vì nền độc lập của Việt Nam. Để đạt hai mục đích ấy, Trẫm tuyên bố sẵn sàng hy sinh tất cả, và ước mong rằng sự hy sinh của Trẫm đem lại lợi ích cho Tổ quốc. Nhận định rằng sự đoàn kết của toàn thể đồng bào chúng ta vào giờ phút này là một sự cần thiết cho Tổ quốc chúng ta, ngày 23 tháng 8, Trẫm đã nhắc lại cho toàn thể nhân dân ta là: Ở giờ phút quyết định này của Lịch sử, đoàn kết có nghĩa là sống, mà chia rẽ là chết..."

Trước khi từ giã ngai vàng, Trẫm chỉ có ba điều muốn nói:

— Thứ nhất: Trẫm yêu cầu tân chính phủ phải giữ gìn lắng tằm và miếu mào của hoàng gia.

— Thứ hai: Trẫm yêu cầu tân chính phủ lấy tình huynh đệ đối xử với các đảng phái, các phe nhóm, các đoàn thể đã chiến đấu cho nền độc lập của đất nước, mặc dù không theo cùng đường hướng dân chủ của mặt trận, như vậy có thể giúp cho họ được tham gia vào sự kiến thiết đất nước, và chứng tỏ rằng tân chế độ đã được xây dựng trên tình đoàn kết dứt khoát của toàn thể nhân dân.

— Thứ ba: Trẫm yêu cầu tất cả các đảng phái, các phe nhóm, tất cả các tầng lớp xã hội cũng như toàn thể hoàng gia phải đoàn kết chặt chẽ để hậu thuẫn vô điều kiện cho Chính phủ Dân chủ Cộng hòa, hầu củng cố nền độc lập quốc gia..." **Đọc tiếp @ [hoangtran204](#) (01/09/2022)**

❖ **Hồi ký của Bảo Đại "Con Rồng Việt Nam."** Cuốn hồi ký của Bảo Đại (vị vua cuối cùng của Việt Nam) Bảo Đại (chữ Hán: 保大, 22 tháng 10 năm 1913 – 31 tháng 7 năm 1997), tên khai sinh: Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy (阮福永瑞), là hoàng đế thứ 13 và là vị vua cuối cùng của triều đại nhà Nguyễn, cũng là vị hoàng đế cuối cùng của chế độ quân chủ trong lịch sử Việt Nam... **Đọc tiếp hay tải về máy Hồi ký này @ [TAI ĐÂY](#)**

❖ **Một CƠN GIÓ BỤI (Hồi ký Trần Trọng Kim).** Từ trước tôi không biết vua Bảo Đại là người như thế nào. Vì trong thời bảo hộ của nước Pháp, hình như ngài chán nản không làm gì cả, chỉ sẵn bản và tập thể thao. Hôm mừng 7 tháng tư tôi vào yết kiến thấy có vẻ trang nghiêm và nói những điều rất đúng đắn. **Vua Bảo Đại nói,** "Trước kia người mình chưa độc lập. Nay có cơ hội, tuy chưa phải độc lập hẳn, nhưng mình cũng phải tỏ ra có đủ tư cách để độc lập. Nếu không có chính phủ thì người Nhật bảo mình bất lực, tất họ lập cách cai trị theo thể lệ nhà binh rất hại cho nước ta. Vậy ông nên vì nghĩa vụ cố lập thành một chính phủ để lo việc nước..." **Đọc tiếp hay tải về máy Hồi ký "Một CƠN GIÓ BỤI" @ [TAI ĐÂY](#)**

❖ **Vua Gia Long Và Người Pháp (Thụy Khuê).**

– Hay tải về máy [TAI ĐÂY](#) (Tài liệu biên khảo gồm 27 chương, gần 800 trang, cho nên bà con có thể tải về máy ở đường link này. NNQ)

Gia Long tấu quốc

(Viewed 05/06/2023)

Gia Long Tấu Quốc. © wiki

- [TẬP I](#)
- [TẬP II](#)

- [TẬP III](#)
- [TẬP IV](#)
- [TẬP V](#)

Gia Long tấu quốc là một tiểu thuyết dã sử của **tác giả Tân Dân Tử** được khởi thảo vào năm 1928 và hoàn thành trong năm 1929, đến năm 1930 đem in tại nhà Bảo Tồn (Chợ Lớn). Tiểu thuyết này gồm 27 hồi, chia làm 5 tập và đã được công chúng văn chương ái mộ tới mức nhà Xưa Nay phải tái bản nhiều lần vào năm 1932... Thân mời đọc tiểu thuyết lịch sử này theo đường dẫn sau (Google Drive): (định dạng PDF – Scan sách cũ. Viewed 16/05/2023) NNQ.

Trích lời tựa “Gia Long tấu quốc – Tân Dân Tử.” Nước mình cũng một nước có lịch sử vẻ vang lắm vậy, song người mình, trừ ra một số người có học thức, có tham khảo ít nhiều về lịch sử nước nhà thì không nói, còn ra vô số những hàng người, ngoài sân vọng cái bàn thờ Trương-đạo-Lang (Trương-thiên-Sư) trên trang treo bức hình ông Quan-Vô, hằng năm hương hỏa bất tuyệt. Chẳng may mở miệng ra, mở miệng ra thì nào là Lưu-kim-Đỉnh giải giá Thọ-châu, Phàn-lê-Huê phá Hồng-thủy-Trận. Chớ chưa thường có mấy ai nhắc nhở đến, sùng bái đến cái ông Đinh-tiên-Hoàng, Lê-thái-Tổ, Trần-hưng-Đạo, Trưng-Trắc, Trưng-Nhị v.v... là những bậc đả làm vẻ vang cho lịch sử nước nhà, bồi đắp cho non sông tổ quốc tự hồi nào... Thật cũng một điều đáng thương tâm về sự khuyết điểm của anh em mình lắm vậy... Nguồn @ [TAI ĐÂY](#) (Viewed 19/05/23)

Gia Long Phục Quốc.

(Viewed 05/06/2023)

Gia Long Phục Quốc. © wiki

- [Gia Long Phục Quốc TẬP I.](#)
- [Gia Long Phục Quốc TẬP II.](#)

- [Gia Long Phục Quốc TẬP III](#)
- [Gia Long Phục Quốc TẬP IV](#)

Vua Gia Long, tên thật là Nguyễn Phúc Ánh, lên ngôi Hoàng đế tại Phú Xuân năm 1802. Được xem là vị vua thống nhất đất nước Việt Nam. Mặc dù lịch sử vẫn còn nhiều tranh luận về công, tội cũng như mối thù truyền kiếp giữa vua Gia Long và anh em nhà Tây Sơn, nhưng giang sơn Việt Nam ta có được như ngày hôm nay chính là nhờ vào vị vua này.

Tân Dân Tử là bút hiệu của ông Nguyễn Hữu Ngời, một trong những tác giả tiên phong cho thể loại tiểu thuyết lịch sử Việt Nam ở giai đoạn đầu thế kỷ XX. Tân Dân Tử là người làng Tăng Nhơn Phú, huyện Thủ Đức, tỉnh Gia Định. Ông xuất thân trong gia đình có truyền thống Nho học. Ông nội là tú tài Hán học. Thân phụ cũng tinh thông chữ Hán, làm chức cai tổng. Thuở nhỏ, ông học chữ Hán, sau chuyển sang học chữ Pháp. Sau khi tốt nghiệp trường Thông ngôn Sài Gòn, ông được bổ làm kinh lịch ở Chợ Lớn, về sau được thăng chức huyện hàm. Ngoài nhiệm vụ của một công chức, ông còn tham gia viết văn, viết báo. Theo GS. Nguyễn Huệ Chi, ông là một cây bút có các bài tản văn và thơ in khá sớm trên các báo quốc ngữ đầu tiên như Nông cổ mín đàm (Trong chén trà bàn chuyện nông thương), Lục tỉnh tân văn, Điện tín, v.v... Năm 1953, ông mắc bệnh phải nằm một chỗ hơn hai năm rồi mất tại Sài Gòn, hưởng thọ 80 tuổi (wiki).